

Luật số:/20.../QH...

DỰ THẢO 5

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬ DỤNG NĂNG
LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

1. Sửa đổi khoản 11 và bổ sung khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 3 như sau:

“11. *Phương tiện, thiết bị, sản phẩm tiết kiệm năng lượng* bao gồm phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu xây dựng có tính cách nhiệt tốt phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

12. *Bộ quản lý chuyên ngành* là bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong một ngành, lĩnh vực với phạm vi, đối tượng cụ thể.

13. *Công ty dịch vụ năng lượng* là công ty cung cấp các dịch vụ và giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp với mô hình kinh doanh là sử dụng các Hợp đồng hiệu quả năng lượng.

14. *Hợp đồng hiệu quả năng lượng* được hình thành giữa khách hàng và một công ty dịch vụ năng lượng, làm cơ sở để khách hàng trả công cho công ty dịch vụ năng lượng khi thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

15. *Chứng chỉ quản lý năng lượng* là chứng chỉ do Bộ Công Thương cấp cho người tham gia và đạt kết quả trong khóa đào tạo cho người quản lý năng lượng.”

2. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau:

“3. Tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với bối cảnh quốc tế và tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá

trị gia tăng cao. Tăng cường chính sách kiểm soát đối với những ngành, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.

5. Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng. Đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và hoạt động đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, lực lượng kiểm toán viên năng lượng và cán bộ quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước.

6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”

3. Bổ sung khoản 3, Điều 6 như sau:

“3. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Sửa đổi đoạn 1 Điều 7 như sau:

“Các quy định về thống kê trong lĩnh vực năng lượng được thực hiện theo pháp luật về thống kê”

5. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“3. Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp, trừ các ngành tại khoản 4 Điều này.

4. Bộ Xây dựng ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

6. Sửa đổi điểm đ, điểm g khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện;

g) Đơn vị khai thác, vận chuyển, phân phối than, dầu khí phải có phương án tận thu khí đồng hành và tài nguyên năng lượng khác. Định kỳ tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than. Tăng cường kiểm soát tổn thất, hao hụt xăng dầu, than trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối, tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp.

3. Bộ Công Thương xây dựng và ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng.”

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền được phân cấp.”

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:”

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối triển khai thực hiện và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.”

11. Sửa đổi đoạn 2 Điều 32 như sau:

“Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hai năm một lần và gửi Bộ Công Thương tổng hợp.”

12. Sửa đổi điểm đ khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau:

“đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm, đảm bảo tính chính xác của hệ thống đo đếm nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở;”

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.”

13. Sửa đổi khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Bộ Công Thương quy định cụ thể về cơ sở thực hiện dịch vụ kiểm toán năng lượng, quy định kỹ thuật thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo thẩm quyền cấp, công nhận, thời hạn, thu hồi đăng ký hoạt động của cơ sở kiểm toán năng lượng.”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 35 như sau:

“d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng.

3. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng.”

15. Sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng.”

16. Sửa đổi khoản 1, khoản 3, điểm a, điểm d khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 39 như sau:

“1. Phương tiện, thiết bị, vật liệu thuộc danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.

3. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối, kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử các phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sau khi phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng đã được thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về đo lường.

4. Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện;

d) Hướng dẫn công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng;

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch hàng năm tổ chức triển khai kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, phân phối trên địa bàn.”

17. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 41 như sau:

“2. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

b) Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính, được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ từ các quỹ: Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan.

3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, hydrogen, nhiên liệu tổng hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang các công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua các cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

5. Chính phủ xây dựng các cơ chế khuyến khích, giải pháp thúc đẩy ứng dụng các quá trình chuyển đổi phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong công nghệ tiết kiệm và hiệu quả năng lượng.”

18. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 43 như sau:

“d) Tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng;

4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ.

5. Chính phủ xây dựng các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích để hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ tư vấn năng lượng.

6. Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 46 như sau:

“1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi kế hoạch năm năm và báo cáo hàng năm về Bộ Công Thương để tổng hợp.

3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng năm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và trong từng giai đoạn năm năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

20. Bãi bỏ khoản 3 Điều 30.

21. Bãi bỏ khoản 2 Điều 39.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đến ngày ... tháng ... năm ...

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hai năm một lần được thực hiện kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
(Ký và đóng dấu)